

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-PT

Ngày: 03 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nguyên.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Long;

Bà Nguyễn Thị Như Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo T, C do có kháng cáo của người bị hại Ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K.

- Bị cáo không có kháng cáo:

Nguyễn Duy T (Tên gọi khác là Tèo), sinh năm: 1991 tại Kon Tum. Nơi cư trú: Thôn 05 xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn D và bà Đinh Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Mỹ D và 01 sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 3/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cướp giật tài sản*”; Tháng 01/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 04 tháng 12 ngày tù về tội “*Hủy hoại tài sản*” đến ngày 12/3/2014 chấp hành xong hình phạt; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/9/2018 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Phạm Kim C (Tên gọi khác là Mái), sinh năm: 1995 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn 05 xã Hòa Bình, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Thành Đ và bà Nguyễn Thị Q; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt

tạm giữ, tạm giam ngày 28/11/2018 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:*

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1969 và bà Võ Thị L, sinh năm: 1973. (Cả hai đều có mặt)

Cùng trú tại: Thôn 05 xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- *Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Đỗ Thị Lan V, sinh năm: 1988. (Có mặt)

Trú tại: số 320 Hoàng Thị L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1992. (Có mặt)

Trú tại: Thôn 05 xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1992. (Có mặt)

Trú tại: Thôn 05 xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Anh Trần Quốc B, sinh năm: 1991. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 05 xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 07/3/2018 Nguyễn Duy T (tên gọi khác là Tèo) (Trú tại: Thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố K) đến nhà của Phạm Kim C (Trú tại: Thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố K) để chơi. Sau đó, T rủ C đi tìm nhà dân trong thôn để trộm cắp tài sản nhưng C từ chối. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T nhờ C chở về nhà mình để tưới rau và nói với C đi qua nhà ông Nguyễn Văn R (Trú tại: Thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố K) xem thử có ai ở nhà không. Sau đó, C đi qua nhà ông R thấy không có ai ở nhà rồi gọi điện thoại nói cho T biết rồi đi về. Sau khi T biết nhà ông R không có người ở nhà nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà ông R để trộm tài sản. Khi đi T lấy 01 cây xà beng của nhà T (một đầu nhọn, một đầu dùng để nhỏ đinh dài khoảng 50cm) cầm theo trèo qua tường rào phá cửa chính để đột nhập vào trong nhà của ông R. T lục lọi trong tủ đồ lấy được trong ví 10.000.000đ (mười triệu đồng) và trong áo treo ở phòng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng). Trong lúc định đi ra về thì T phát hiện có 01 két sắt nên tiếp tục dùng xà beng và lam cửa sắt lấy được trong nhà bếp của ông R, phá két sắt ở trong phòng ngủ và lấy đi số tài sản gồm: 01 lắc tay bằng vàng 9999 có trọng lượng 01 cây 1,5 chỉ; 05 nhẫn tròn bằng vàng 9999 mỗi nhẫn có trọng lượng 01 chỉ; 04 nhẫn tròn bằng vàng 9999 mỗi nhẫn có trọng lượng 0,5 chỉ; 01 chiếc hộp nhựa màu đỏ bên trong có 02 nhẫn vàng

9999 có trọng lượng 04 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng có mặt hình trái tim bên trong có hình chữ L có trọng lượng 02 chỉ. Sau khi trộm cắp tài sản của nhà ông R xong T đến nhà C nhờ C cất giữ số tiền 10.500.000đ nhưng không cho biết mình vừa trộm cắp tài sản. Đến ngày 09/3/2018, T qua nhà C lấy lại số tiền đã đưa C trước đó và cho C số tiền 3.500.000đ, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Ngày 11/3/2018, T nói cho C biết việc mình trộm cắp tài sản của nhà ông R trước đó. Đến ngày 13/3/2018, T chở bạn gái là Đỗ Thị Lan V (Trú tại: 320 Hoàng Thị L, TP K) vào lô cao su nơi mình cất giấu vàng đã trộm được và T nói cho V 01 sợi dây chuyền vàng mặt hình trái tim bên trong có hình chữ L có trọng lượng 02 chỉ và nhờ V cất dùm mình 02 chiếc nhẫn vàng 9999 mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ. T nói cho V biết nguồn gốc số vàng đó là do T làm ăn tích góp, giấu vợ mình mà có được. Đến ngày 18/3/2018 là ngày sinh nhật C, T hỏi C muốn lấy tiền hay lấy vàng. C nói lấy tiền nên T nhờ V bán dùm 02 chiếc nhẫn vàng đã gửi V trước đó. Sau đó, V bán số vàng trên tại tiệm vàng Đồng Thạnh (Phường Quyết Thắng, TP K) được số tiền 11.000.000đ rồi đưa lại toàn bộ số tiền này cho T. T đưa cho C 7.500.000đ, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết. Trong quá trình nhận tiền mà T đưa cho mình C biết rõ là do T trộm cắp tại nhà ông R mà có.

Khoảng giữa tháng 4/2018 T đem bán 01 chiếc lắc tay tại tiệm vàng Thuận Thành (đường Lê Hồng P, TP K) được số tiền 39.000.000đ. Cuối tháng 4/2018 T lấy 05 nhẫn tròn vàng 9999 mỗi nhẫn có trọng lượng 01 chỉ đem bán tại tiệm vàng Kim Thúy (phường Q, TP K) được số tiền 26.000.000đ. Tháng 5/2018 T lấy 04 nhẫn tròn vàng 9999 mỗi nhẫn có trọng lượng 0,5 chỉ đem bán tại tiệm vàng Kim Thúy (phường Q, TP K) được số tiền 5.000.000đ.

Toàn bộ số tiền bán vàng này T mua 01 điện thoại di động Iphone 7 với giá 12.000.000đ và tiêu xài cá nhân hết.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/ĐG-TS ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng UBND thành phố K kết luận:

+ 01 lắc tay bằng vàng 9999 có trọng lượng 01 cây 1,5 chỉ, có giá trị: 41.400.000đ;

+ 01 sợi dây chuyền bằng vàng 9999 có trọng lượng 02 chỉ, có giá trị: 7.200.000đ;

+ Nhẫn tròn bằng vàng 9999 có trọng lượng 11 chỉ, có giá trị: 39.600.000đ;

Tổng giá trị tài sản là **88.200.000đ**.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 72/ĐG-TS ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng UBND thành phố K kết luận:

+ 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Đức được mua vào tháng 6/2010 Th đến thời điểm

bị xâm hại tháng 3/2018, có giá trị: **86.000đ**;

+ Số tiền mặt T lấy trong ví là 10.000.000đ và 5.000.000đ trong túi áo = **10.500.000đ**.

Tổng cộng = 88.200.000đ + 86.000đ + 10.500.000đ = 98.786.000đ.

Qua đơn trình báo của bị hại là ông Nguyễn Văn R khai báo bị mất số vàng và tiền nhiều hơn so với số vàng và tiền mà T đã trộm cắp. Trong quá trình điều tra, xác minh và biên bản đối chất, thì T chỉ khai nhận đã trộm cắp số lượng vàng và tiền như đã khai báo ở trên. Ngoài số tiền và vàng mà cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã chứng minh được thì số vàng và tiền còn lại cơ quan CSĐT Công an thành phố K không chứng minh được như sau:

- + 01 sợi dây chuyền 07 chỉ bằng vàng loại 4 số 9999;
- + 01 chiếc nhẫn tăng gô 02 chỉ bằng vàng loại 4 số 9999;
- + 01 sợi dây chuyền 02 chỉ mặt hình trái tim bằng vàng loại 4 số 9999 chứ không phải là 04 chỉ vàng loại 4 số 9999;
- + Đối với nhẫn tròn bằng vàng loại 4 số 9999 thì T khai chỉ có 11 chỉ chứ không phải 70 chỉ như ông R khai;
- + Tiền mặt (VND) trong ví chỉ có 10.000.000đ chứ không phải 20.000.000đ như ông R khai.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 12/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K quyết định như sau:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T (tên gọi khác Tèo) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T (tên gọi khác Tèo) 40 (Bốn mươi) tháng tù. Thời hạn tù Th từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 24/9/2018.

2. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Kim C (tên gọi khác Mái) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Kim C (tên gọi khác Mái) 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù Th từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải trả cho ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L số tiền 87.786.000đ (Tám mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Buộc bị cáo Phạm Kim C phải trả cho ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chưa thi hành với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 lam cửa sắt của cửa máy dài 60cm, rộng 15cm và 01 lon sắt.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đồng, có IC: 579C-E3087A đã vỡ màn hình (*đã qua sử dụng*).

(Tình trạng tang vật như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố K với Chi cục thi hành án dân sự thành phố K ngày 19/02/2019).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, bị hại Ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L cho rằng bị cáo Nguyễn Duy T trộm cắp của vợ chồng bị hại 10 cây vàng và 20.500.000 đồng tiền mặt, chứ không phải số lượng vàng và tiền mặt như án sơ thẩm đã xét xử. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo pháp luật. Riêng nội dung kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo và yêu cầu xét xử bị cáo Phạm Kim C về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ông R và bà L tự nguyện rút các yêu cầu này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bị hại ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L rút nội dung kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo và yêu cầu xét xử bị cáo Phạm Kim C về tội “*Trộm cắp tài sản*” là tự nguyện nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Ngoài ra, đối với nội dung kháng cáo về trách nhiệm dân sự thì tại phiên tòa ông R và bà L không đưa ra được tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L giữ nguyên bản sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vào khoảng 08 giờ ngày 07/3/2018 bị cáo Nguyễn Duy T đã đột nhập vào trong nhà của ông R và bà L lấy trộm vàng và một số tiền, phá 01 kết sắt. Quá trình

điều tra và tại cấp sơ thẩm bị cáo T chỉ thừa nhận đã trộm cắp những tài sản sau: 01 lắc tay bằng vàng 9999 có trọng lượng 01 cây 1,5 chỉ; 05 nhẫn tròn bằng vàng 9999 mỗi nhẫn có trọng lượng 01 chỉ; 04 nhẫn tròn bằng vàng 9999 mỗi nhẫn có trọng lượng 0,5 chỉ; 01 chiếc hộp nhựa màu đỏ bên trong có 02 nhẫn vàng 9999 có trọng lượng 04 chỉ và 01 sợi dây chuyền vàng có mặt hình trái tim bên trong có hình chữ L có trọng lượng 02 chỉ và 10.500.000 đồng tiền mặt nhưng bị hại ông R và bà L cho rằng bị cáo T trộm cắp nhiều hơn số vàng và tiền mà bị cáo khai tại cấp sơ thẩm. Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 50/ĐG-TS ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng UBND thành phố K và thông báo số 187B/TB-CSĐT-ĐTHS ngày 12 tháng 9 năm 2018 thì tổng giá trị tài sản của bị hại tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 340.200.000 đồng. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo và bị hại, lấy lời khai của các chủ tiệm vàng mà bị cáo khai rằng có bán vàng nhưng tất cả những người này đều không thừa nhận đã mua vàng của bị cáo và cũng không thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác để chứng minh bị cáo T trộm cắp số lượng vàng và tiền như lời khai của bị hại.

Cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Do đó, việc cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự xét xử bị cáo Nguyễn Duy T 40 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo Phạm Kim C 12 tháng tù là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L về trách nhiệm dân sự: Tại đơn kháng cáo ông R và bà L cho rằng bị cáo T đã đột nhập vào nhà mình lấy trộm, tổng cộng vàng và tiền mặt là 390.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm ông R và bà L không đưa ra được tài liệu chứng minh cho lời khai của mình, trong khi đó bị cáo T chỉ thừa nhận lấy số tài sản như cáo trạng đã truy tố, các chủ tiệm vàng mà bị cáo T khai đã bán cho họ thì không thừa nhận đã mua số vàng trên và không thu giữ được số vàng đã trộm cắp. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào lời khai thừa nhận của bị cáo và các chứng cứ khác để buộc bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại theo bản kết luận định giá tài sản số 50/ĐG-TS ngày 10/9/2018 và số 72/ĐG-TS ngày 24/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng UBND thành phố K và thông báo số 187A/TB-CSĐT-ĐTHS ngày 12 tháng 9 năm 2018 là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị hại cho rằng thực tế bị cáo Nguyễn Duy T trộm cắp của vợ chồng bị hại 10 cây vàng và 20.500.000 đồng tiền mặt, chứ không phải số lượng vàng và tiền mặt như Viện kiểm sát truy tố và án sơ thẩm đã xét xử. Nhưng bị hại

không chứng minh được số tài sản vượt quá so với án sơ thẩm đã tuyên nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

[3]. Xét kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L về xử lý vật chứng: Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đồng, có IC: 579C-E3087A (*đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong*) là không đúng vì bị cáo dùng số tiền bán vàng do bị cáo trộm cắp trong vụ án để mua điện thoại di động nêu trên, chiếc điện thoại trên không phải là tài sản do trộm cắp mà có; trong khi đó bị cáo vừa phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của bị hại và vừa bị tịch thu chiếc điện thoại trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Duy T tự nguyện đề nghị HĐXX phúc thẩm tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại này, bị hại ông R và bà L cũng đề nghị HĐXX tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại này của bị cáo như án sơ thẩm, nên HĐXX giữ nguyên phần xử lý vật chứng như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại rút một phần kháng cáo về nội dung: Yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo và yêu cầu xét xử bị cáo Phạm Kim C về tội “*Trộm cắp tài sản*”. HĐXX xét thấy việc rút kháng cáo của bị hại ông R và bà L là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ phần rút kháng cáo này.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của bị hại không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bị hại ông R và bà L về nội dung: Yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo và yêu cầu xét xử bị cáo Phạm Kim C về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T (*tên gọi khác Tèo*) 40 (*Bốn mươi*) tháng tù. Thời hạn tù Th từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 24/9/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Kim C (*tên gọi khác Mái*) 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù Th từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải trả cho ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L số tiền 87.786.000đ (*Tám mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Phạm Kim C phải trả cho ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L số tiền 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chưa thi hành với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 lam cửa sắt của cửa máy dài 60cm, rộng 15cm và 01 lon sắt.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đồng, có IC: 579C-E3087A đã vỡ màn hình (*đã qua sử dụng*).

(*Tình trạng tang vật như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố K với Chi cục thi hành án dân sự thành phố K ngày 19/02/2019*).

Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 2 Điều 21, điểm e khoản 2 Điều 23; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Long

Nguyễn Thị Như Mai

Huỳnh Nguyên

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KT;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- TAND huyện;
- Trại Tạm giam CA tỉnh;
- Cơ quan THADS;
- Xã, Phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Long

Nguyễn Thị Như Mai

Huỳnh Nguyên

